

Bản án số: 10 /2018/ DS-ST

Ngày: 10 -9 - 2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Triều Châu.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lộc Văn Bậu và bà Trần Thị Quỳnh.
- *Thư ký phiên tòa :* Bà Hoàng Thị Nhung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.
- *Đại diện VKSND huyện Trảng Bom:* Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 10/9/2018, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2018/TLST-DS, ngày 22/5/2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXX-DS, ngày 07/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 181/2018/QĐST-DS ngày 23/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1964. Trú tại: số 12/14B, khu phố 8, phường Tam Hiệp, Thành phố B H, tỉnh Đồng Nai. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng T, sinh năm 1992. Trú tại: ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Sơn L, sinh năm 1967 và bà Đỗ Thị Lâm U, sinh năm 1973. Nơi cư trú cuối cùng: ấp 5, Xã S, huyện T, tỉnh Đ.

(ông T có mặt, ông L và bà U vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại phiên tòa và các tài liệu có trong hồ sơ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Trong khoảng thời gian từ tháng 02 đến tháng 07 năm 2014, vì có quen biết với ông L, bà U nên ông H có cho vợ chồng ông L, bà U vay nhiều lần với tổng số tiền là 1.340.000.000đ (một tỷ ba trăm bốn mươi triệu). Ông H đã nhiều lần đòi ông L, bà U nhưng bà U, ông L không chịu trả nên vào khoảng đầu tháng 8 năm 2014 ông H đề nghị bà U và ông L viết 01 tờ giấy cam kết trả nợ với tổng số tiền 1.340.000.000đ, có chữ ký và chữ

viết của ông Nguyễn Sơn L và bà Đỗ Thị Lâm U. Việc vay mượn không cầm cố thế chấp tài sản và có lập giấy tay.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Sơn L và bà Đỗ Thị Lâm U có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc là 1.340.000.000đ (một tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng), về tiền lãi không yêu cầu ông L và bà U thanh toán. Căn cứ chứng minh là tờ giấy cam kết trả nợ có chữ ký của ông Nguyễn Sơn L và bà Đỗ Thị Lâm U và buộc bà U và ông L phải trả lại tiền chi phí giám định là 3.200.000đ (ba triệu hai trăm ngàn đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Sơn L và bà Đỗ Thị Lâm U vắng mặt tại các buổi làm việc nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật, thẩm phán thu thập chứng cứ đầy đủ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H và buộc ông Nguyễn Sơn L và bà Đỗ Thị Lâm U có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 1.340.000.000đ (một tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng) cho ông Nguyễn Đức H và buộc ông L và bà U phải trả lại chi phí trưng cầu giám định cho ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét, kiểm tra các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, hội đồng xét xử nhận định:

- **Về quan hệ pháp luật:** Tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, do vậy căn cứ vào điều 26, điều 35 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

- **Về tố tụng:** Ông L, bà U đã được Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom tuyên bố vắng mặt tại nơi cư trú nên vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, Tòa án đã xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa ngày 23/8/2018 do ông Nguyễn Sơn L và bà Đỗ Thị Lâm U vắng mặt lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Ông L và bà U tiếp tục vắng mặt căn cứ các điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn T hành xét xử vụ án.

- Việc giao dịch giữa các bên xảy ra từ năm 2014 nên cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

- **Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:**

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Đức H yêu cầu ông Nguyễn Sơn L và bà Đỗ Thị Lâm U có trách nhiệm liên đới trả tiền gốc là 1.340.000.000đ (một tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng): Xét thấy trong khoảng thời gian từ tháng 02 đến tháng 07 năm 2014, ông Nguyễn Sơn L và bà Đỗ Thị Lâm U có vay tiền nhiều lần của Ông Nguyễn Đức H. Do ông H nhiều lần yêu cầu ông L, bà U trả số tiền gốc nêu trên, ông L và bà U không chịu trả nên ông H yêu cầu ông L, bà U viết một giấy cam kết chót số tiền trả nợ là 1.340.000.000đ có chữ ký của ông L và bà U.

Ngày 12/6/2018, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom đã tiến hành trưng cầu giám định đối với bản chính “*Giấy cam kết trả nợ*” có chữ ký và chữ viết của ông

Nguyễn Sơn L và bà Đỗ Thị Lâm U. Tại kết luận giám định số 2548/C54B ngày 20/6/2018 của phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chữ ký, chữ viết dưới mục “Chồng” trên “Giấy cam kết trả nợ” không đề ngày tháng năm(ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Sơn L trên 05 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1-M5 là do cùng một người ký và viết ra; Chữ ký, chữ viết dưới mục “Vợ” trên “Giấy cam kết trả nợ” không đề ngày tháng năm(ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Thị Lâm U trên 05 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1-M5 là do cùng một người ký và viết ra. Từ những chứng cứ phân tích nêu trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H buộc ông Nguyễn Sơn L và bà Đỗ Thị Lâm U có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Đức H tổng số tiền gốc là 1.340.000.000đ (một tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng).

[2]Về yêu cầu trả tiền lãi: Do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về chi phí trưng cầu giám định: Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 buộc ông Nguyễn Sơn L và bà Đỗ Thị Lâm U phải có nghĩa vụ trả lại cho ông H số tiền 3.200.000đ (ba triệu hai trăm ngàn đồng).

[4]Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc ông Nguyễn Sơn L và bà Đỗ Thị Lâm U nộp 52.200.000 đ(Năm mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Do yêu cầu của ông Nguyễn Đức H được chấp nhận nên cần hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 26.100.000đ (hai sáu triệu một trăm ngàn đồng) mà ông H đã nộp.

Tại phiên tòa đại diện VKS cho rằng thẩm phán thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử đúng quy định, bảo đảm quyền, nghĩa vụ của các đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án Viện kiểm sát đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 5, điều 26; điều 35; điều 68, điều 144, 147, 161, 227, 273 BLTTDS; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 471; 474 BLDS năm 2005; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H đối với ông Nguyễn Sơn L và bà Đỗ Thị Lâm U về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. + Buộc ông Nguyễn Sơn L và bà Đỗ Thị Lâm U phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Đức H tổng số tiền gốc là 1.340.000.000đ (Một tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng).

+ Buộc ông Nguyễn Sơn L và bà Đỗ Thị Lâm U phải có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền chi phí trưng cầu giám định là 3.200.000đ(ba triệu hai trăm ngàn đồng) cho ông Nguyễn Đức H.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông H nếu ông L và bà U chưa thực hiện nghĩa vụ trả số tiền gốc nêu trên, thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí :

3.1. Buộc ông Nguyễn Sơn L và bà Đỗ Thị Lâm U nộp 52.200.000đ (Năm mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Trả lại cho ông Nguyễn Đức H số tiền tạm ứng án phí 26.100.000đ (hai mươi sáu triệu một trăm ngàn đồng) mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 000531 ngày 22/5/2018 tại Chi cục THADS huyện Trảng Bom.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Người có mặt tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt tính từ ngày nhận bản án, hoặc bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đ/s
- TAND tỉnh
- VKS huyện
- Chi cục THADS huyện.
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Triều Châu(Đã ký)